BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 09/2019/TT-BTC	*Hà Nội, ngày 15 tháng 02 năm 2019*

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại các Phụ lục của Thông tư số 65/2017/TT-BTC ngày 27 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam

Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;

Căn cứ Nghị định số 59/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Hiệp định Hải quan ASEAN ký ngày 30 tháng 3 năm 2012 tại Căm-pu-chia;

Căn cứ Quyết định số 49/QĐ-CTN ngày 06 tháng 3 năm 1998 của Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về việc Việt Nam tham gia Công ước quốc tế về Hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa của Tổ chức Hải quan thế giới (Công ước HS);

Thực hiện Nghị quyết số 109/NQ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ phê duyệt Danh mục Biểu thuế hài hòa ASEAN phiên bản 2017;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại các Phụ lục của Thông tư số 65/2017/TT-BTC ngày 27 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 65/2017/TT-BTC ngày 27/6/2017 của Bộ Tài chính ban hành Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam

1. Tại Chú giải 4 Chương 12: thay đổi cụm từ "cây *cừu* ly hương" thành cụm từ "cây *cửu lý* hương".

2. Tại Chú giải 5 Chương 12 và nhóm 12.12: thay đổi cụm từ "*tảo* biển và các loại tảo *biển* khác" và "rong biển và tảo *biển* khác" thành cụm từ "*rong* biển và các loại tảo khác".

3. Tại nhóm 15.18: thay đổi cụm từ "*sulphat* hoá" thành cụm từ "*sulphua* hóa".

4. Tại nhóm 39.18: thay đổi cụm từ "tấm *ốp* tường hoặc *ốp* trần bằng plastic" thành cụm từ "Tấm *phủ* tường hoặc *phủ* trần bằng plastic".

5. Tại nhóm 44.01: thay đổi cụm từ "mùn cưa và phế liệu gỗ" thành cụm từ "mùn cưa, phế liệu và *mảnh vụn gỗ*".

6. Tại nhóm 49.07: thay đổi cụm từ "*giấy bạc (tiền giấy)*" thành cụm từ "*giấy bạc ngân hàng (banknotes);*", thay đổi cụm từ "*hợp pháp nhưng chưa đưa vào lưu thông*" thành cụm từ "*loại pháp định (*)*"; Thay đổi đơn vị tính tại mã hàng 4907.00.10 từ "*kg/chiếc*" thành "*kg/tờ*".

Tại nhóm 71.18: thay đổi cụm từ "*không được coi là tiền tệ chính thức:*" thành cụm từ "*không phải loại pháp định*", thay đổi cụm từ "*được coi là tiền tệ chính thức hoặc không chính thức*" thành cụm từ "*loại pháp định (*) hoặc không phải loại pháp định*", thay đổi cụm từ "*loại được coi là tiền tệ chính thức*" thành cụm từ "*loại pháp định (*)*".

Bổ sung chú thích cuối Chương 49 và Chương 71: "(*) *Trong phạm vi nhóm 49.07 và 71.18, khái niệm "loại pháp định" được hiểu là công cụ thanh toán phát hành bởi ngân hàng được pháp luật công nhận.*"

7. Tại nhóm 55.16: thay đổi cụm từ "sợi filament *tái* tạo" thành cụm từ "sợi filament *nhân* tạo".

8. Tại nhóm 56.03: bổ sung đơn vị tính của các mặt hàng "Các sản phẩm không dệt, đã hoặc chưa ngâm tẩm, tráng phủ hoặc ép lớp." từ "m/m^2" thành "$kg/m/m^2$".

9. Tại nhóm 84.26, thay đổi cụm từ "*khung thang nâng di động*" thành cụm từ "*khung nâng di động*".

10. Tại phân nhóm 8436.10: thay đổi cụm từ "Máy chế biến thức ăn *gia súc*" thành "Máy chế biến thức ăn *cho động vật*".

11. Tại phân nhóm 8438.10: thay đổi cụm từ "máy làm *bánh mỳ*" thành "máy làm *bánh*".

12. Tại Chú giải 4(b) Chương 84 và nhóm 84.57: thay đổi cụm từ "*máy một vị trí gia công*" và cụm từ "*máy kết cấu một vị trí*" thành cụm từ "*máy kết cấu nguyên khối (một vị trí gia công).*"

13. Tại Chú giải 4(c) Chương 84 và nhóm 84.57: thay đổi cụm từ "*máy nhiều vị trí gia công chuyển dịch*" thành cụm từ "*máy gia công chuyển dịch đa vị trí.*"

14. Tại nhóm 84.38 và phân nhóm 8479.20: thay đổi cụm từ "dầu hoặc chất béo thực vật" thành "dầu hoặc chất béo thực vật *không bay hơi*".

15. Tại Chú giải 9(b)(ii) Chương 85: thay đổi cụm từ "*các bộ phận nối*" thành cụm từ "*cuộn cảm*".

16. Tại phân nhóm 8523.51: thay đổi cụm từ "Các thiết bị lưu trữ *bán dẫn không xoá*" thành cụm từ "Các thiết bị lưu trữ *bền vững, thể rắn*".